# HIỆP ĐỊNH
# GIỮA
# CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# VÀ
# CHÍNH PHỦ LIÊN BANG NGA
# VỀ HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ HÀNH CHÍNH LẪN NHAU VỀ CÁC VẤN ĐỀ HẢI QUAN

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga, sau đây gọi là "Các Bên ký kết",

Nhận thấy rằng những vi phạm pháp luật hải quan gây phương hại tới các lợi ích kinh tế, tài chính và xã hội của các quốc gia có liên quan cũng như tới lợi ích hợp pháp của thương mại;

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định chính xác thuế hải quan và các loại thuế khác của hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu cũng như việc thực hiện các quy định cấm, hạn chế và kiểm soát hàng hoá;

Nhận thức rằng hành động ngăn chặn các vi phạm pháp luật Hải quan và các nỗ lực đảm bảo thu đúng thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác có thể được thực hiện hiệu quả hơn thông qua việc hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan Hải quan của các quốc gia;

Nhận thấy rằng việc buôn lậu ma tuý và các chất hướng thần gây hiểm hoạ cho sức khoẻ cộng đồng và ảnh hưởng đến xã hội;

Trên cơ sở Khuyến nghị của Hội đồng hợp tác Hải quan về Hỗ trợ hành chính ngày 5 tháng 12 năm 1953.

Và cũng trên cơ sở các điều khoản quy định trong Công ước chung về Ma tuý ngày 30 tháng 3 năm 1961, được điều chỉnh theo Nghị định thư năm 1972 Công ước về các chất hướng thần ngày 21 tháng 2 năm 1971 và Công ước chống buôn bán bất hợp pháp Ma tuý và các chất hướng thần ngày 20 tháng 12 năm 1988 của Tổ chức liên hợp quốc,

Đã thỏa thuận như sau:

## Điều 1
## ĐỊNH NGHĨA

Theo Hiệp định này:

1. "Pháp luật Hải quan" có nghĩa là các quy định pháp lý và hành chính do cơ quan Hải quan của các Bên ký kết thực thi nhằm điều chỉnh

hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu, và quá cảnh và phương tiện vận tải hoặc bất kể các chế độ hải quan nào khác bao gồm các quy định liên quan đến thuế hải quan, các loại phí và các loại thuế khác được cơ quan Hải quan áp dụng hoặc thu và các biện pháp cấm, hạn chế và kiểm soát;

2. "Cơ quan Hải quan" có nghĩa là: tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - Tổng cục Hải quan; và tại Liên bang Nga - Cơ quan Hải quan Liên bang.
3. "Vi phạm hải quan" có nghĩa là bất kỳ sự vi phạm hoặc cố tình vi phạm pháp luật Hải quan;
4. "Người" có nghĩa là thể nhân hoặc pháp nhân;
5. "Thông tin" có nghĩa là dữ liệu, bản báo cáo, chứng từ hoặc bản sao có công chứng hoặc xác nhận tương ứng và các thư tín trao đổi;
6. "Thông tin tình báo" là bất kể thông tin nào đã được xử lý và/hoặc phân tích nhằm cung cấp bằng chứng về vi phạm hải quan có liên quan;
7. "Cơ quan Hải quan được yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan của Bên ký kết nhận được yêu cầu trợ giúp về các vấn đề hải quan;
8. "Cơ quan Hải quan yêu cầu" có nghĩa là Cơ quan Hải quan của Bên ký kết đưa ra yêu cầu trợ giúp về các vấn đề Hải quan;
9. "Ma tuý" là bất kỳ chất nào được liệt kê trong Danh sách của Công ước chung về Ma tuý năm 1961 và các sửa đổi phù hợp với Nghị định thư năm 1972 về các sửa đổi đối với Công ước chung về Ma tuý 1961;
10. "Chất hướng thần" là bất kể chất nào được liệt kê trong các Danh sách của Công ước quốc tế về các Chất hướng thần năm 1971;
11. "Tiền chất" là các chất hoá học và dung môi được sử dụng để sản xuất trái phép ma tuý hoặc các chất hướng thần theo Công ước quốc tế năm 1988 về các biện pháp chống vận chuyển trái phép ma tuý và các chất hướng thần.
12. " Hàng hoá nhậy cảm" là các hàng hoá đề cập trong Điều 6 của Hiệp định này.

## Điều 2

## PHẠM VI CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên ký kết, thông qua cơ quan Hải quan của mình và theo những điều khoản quy định trong Hiệp định này, sẽ:

a. tiến hành các biện pháp nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy việc di chuyển hàng hoá ;

b. hỗ trợ lẫn nhau trong việc ngăn chặn các vi phạm hải quan;

c. hợp tác trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các thủ tục hải quan mới, trong đào tạo và trao đổi nhân lực và các vấn đề khác mà cả hai bên cùng quan tâm;

d. cố gắng hài hoà và quy chuẩn chung các hệ thống hải quan của mình trong việc cải tiến nghiệp vụ hải quan và giải quyết các vấn đề về quản lý và kiểm soát hải quan.

2. Hỗ trợ lẫn nhau trong khuôn khổ của Hiệp định này được thực hiện phù hợp với luật pháp hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Bên ký kết và trong khả năng cũng như nguồn lực của Cơ quan Hải quan được yêu cầu.

3. Không có điều khoản quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là làm hạn chế những thông lệ hỗ trợ lẫn nhau hiện đang có hiệu lực giữa Hai Bên ký kết.

## Điều 3

## TẠO THUẬN LỢI VỀ THỦ TỤC HẢI QUAN

1. Theo thoả thuận lẫn nhau, các cơ quan Hải quan sẽ tiến hành các biện pháp cần thiết để tạo thuận lợi trong thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy việc di chuyển hàng hoá qua lại giữa lãnh thổ của hai quốc gia Ký kết;
2. Theo thoả thuận lẫn nhau, các cơ quan Hải quan có thể chấp nhận các hình thức chứng từ hải quan thích hợp chung bằng tiếng Anh.

## Điều 4

## CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC VÀ HỖ TRỢ LẪN NHAU

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, các Cơ quan Hải quan sẽ cung cấp cho nhau tất cả các thông tin cần thiết phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

2. Các cơ quan Hải quan sẽ:

a. trao đổi kinh nghiệm liên quan đến các hoạt động của mình và thông tin về các cách thức và phương thức vi phạm hải quan mới;

b. thông báo cho nhau các thay đổi cơ bản của luật hải quan của hai quốc gia cũng như các phương tiện kỹ thuật kiểm soát hải quan và các cách thức áp dụng cũng như thảo luận các vấn đề khác mà cả hai bên cùng quan tâm.

## Điều 5

## GIÁM SÁT HÀNG HOÁ VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu của cơ quan Hải quan của một Bên ký kết, cơ quan Hải quan của Bên ký kết kia sẽ tiến hành duy trì các biện pháp kiểm soát đối với:

a) Hàng hóa được vận chuyển bởi người đã vi phạm hoặc bị nghi ngờ vi phạm pháp luật Hải quan tại lãnh thổ quốc gia Bên đó;
b) việc di chuyển của hàng hoá và phương thức thanh toán đã được cơ quan Hải quan của Bên ký kết kia thông báo mà cho thấy dấu hiệu vận chuyển trái phép khối lượng lớn vào hoặc ra lãnh thổ của Bên ký kết kia hoặc các việc di chuyển của hàng hoá và phương thức thanh toán có nghi ngờ;
c) phương tiện vận tải đã biết hoặc nghi ngờ được sử dụng cho vi phạm pháp luật hải quan của Bên ký kết kia;

## Điều 6

## HÀNH ĐỘNG CHỐNG LẠI VIỆC VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP HÀNG HÓA NHẠY CẢM

Các cơ quan hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu sẽ không chậm trễ cung cấp cho nhau các thông tin có liên quan đến các hành động, đã bị phát hiện hoặc đang nằm trong kế hoạch, mà cấu thành hoặc có vẻ cấu thành nên vi phạm pháp luật hải quan hiện hành tại lãnh thổ quốc gia của một trong các Bên ký kết về những nội dung sau:

a. việc di chuyển vũ khí, đạn dược, chất nổ và các đầu dẫn nổ;
b. việc di chuyển ma tuý, các chất hướng thần và tiền chất của nó;
c. việc di chuyển các tác phẩm nghệ thuật và đồ cổ có giá trị văn hoá, lịch sử hoặc khảo cổ học của mỗi Bên ký kết;
d. việc di chuyển của các chất độc hại đối với môi trường và sức khoẻ cộng đồng;
e. việc di chuyển hàng hoá có thuế suất cao hoặc hàng hoá tuân theo giới hạn phi thuế quan;

## Điều 7

## TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1.Các cơ quan Hải quan, theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, sẽ cung cấp cho nhau tất cả thông tin có thể giúp cho đảm bảo tính chính xác trong việc:

a) Thu thuế hải quan, thuế và các loại phí khác do cơ quan Hải quan phụ trách, đặc biệt là các thông tin có thể giúp xác định trị giá Hải quan chính xác cũng như quyết định về phân loại hàng hoá;
b) việc thực hiện các quy định về hạn chế và cấm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, hàng quá cảnh, hoặc các hàng hoá được miễn thuế hải quan, thuế và các loại phí khác;
c) việc áp dụng quy tắc xuất xứ quốc gia.

2. Nếu cơ quan Hải quan được yêu cầu không có thông tin mà họ được yêu cầu cung cấp thì họ sẽ phải tìm kiếm thông tin đó một cách nỗ lực sao cho phù hợp với các quy định của luật pháp quốc gia của mình.

## Điều 8

## THÔNG TIN VỀ HÀNG HOÁ, NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu, Cơ quan Hải quan của Bên ký kết này sẽ cung cấp cho cơ quan Hải quan của Bên ký kết kia các thông tin sau:
   a) Hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ quốc gia của cơ quan Hải quan yêu cầu có được xuất khẩu hợp pháp từ lãnh thổ quốc gia của Bên ký kết kia hay không;
   b) Hàng hóa xuất khẩu từ lãnh thổ quốc gia của cơ quan Hải quan yêu cầu có được nhập khẩu hợp pháp sang lãnh thổ quốc gia của Bên ký kết kia hay không;
2. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc khi có yêu cầu, Cơ quan Hải quan của Bên ký kết này sẽ cung cấp cho cơ quan Hải quan của Bên ký kết kia các thông tin sau:

   a) người được biết đã vi phạm hoặc nghi ngờ vi phạm pháp luật hải quan trong lãnh thổ quốc gia của Bên ký kết kia;
   b) hàng hoá, đã biết hoặc nghi ngờ là đối tượng vận chuyển trái phép;
   c) phương tiện vận tải, đã biết hoặc nghi ngờ được sử dụng trong các vi phạm pháp luật Hải quan hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của Bên ký kết kia.

## Điều 9

## TÀI LIỆU VÀ CHỨNG TỪ

1. Theo sáng kiến riêng của mình hoặc theo yêu cầu, cơ quan Hải quan của một Bên ký kết sẽ cung cấp cho cơ quan Hải quan của Bên ký kết kia các hồ sơ bằng chứng hoặc các bản sao tài liệu và các thông tin có

sẵn về các hành động, đã hoàn tất hoặc đang nằm trong kế hoạch, cấu thành hoặc có dấu hiệu cấu thành nên vi phạm pháp luật hải quan hiện hành tại lãnh thổ quốc gia của Bên ký kết đó.

2. Các chứng từ cung cấp theo Hiệp định này có thể được thay thế bởi các thông tin điện tử để phục vụ cho cùng mục đích. Tất cả các thông tin có liên quan nhằm hiểu và sử dụng tài liệu cũng phải được cung cấp cùng theo đó.

## Điều 10
## YÊU CẦU

1. Nếu cơ quan Hải quan của quốc gia của một Bên ký kết có yêu cầu, cơ quan Hải quan của quốc gia Bên ký kết kia phải thực hiện các yêu cầu chính thức có liên quan đến các hoạt động đã xác định là chắc chắn hoặc có dấu hiệu trái với pháp luật hải quan hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của cơ quan Hải quan yêu cầu. Cơ quan Hải quan được yêu cầu sẽ thông báo các kết quả của việc thực hiện yêu cầu cho cơ quan Hải quan yêu cầu.
2. Các yêu cầu này phải được thực hiện theo luật pháp hiện hành trong lãnh thổ quốc gia của cơ quan Hải quan được yêu cầu. Cơ quan Hải quan được yêu cầu phải thực hiện một cách cố gắng nhất.

## Điều 11
## SỬ DỤNG THÔNG TIN VÀ THÔNG TIN TÌNH BÁO

1. Thông tin và thông tin tình báo nhận được trong khuôn khổ quy định của Hiệp định này chỉ được sử dụng cho mục đích của Hiệp định này. Các thông tin này sẽ không được trao đổi hoặc sử dụng cho bất kể mục đích nào khác trừ khi cơ quan Hải quan cung cấp thông tin hoàn toàn cho phép.

2. Các quy định trong khoản 1 của Điều này không áp dụng đối với các thông tin và thông tin tình báo có liên quan đến các vụ vi phạm liên quan đến ma túy và các chất hướng thần. Các thông tin và thông tin tình báo này có thể được trao đổi với các cơ quan chức năng khác trực tiếp liên quan đến việc đấu tranh chống lại việc vận chuyển ma tuý trái phép, các chất hướng thần và tiền chất của các chất đó.

3. Các yêu cầu, thông tin, báo cáo của các chuyên gia và các thông tin liên lạc khác do cơ quan Hải quan của một Bên ký kết nhận được dưới bất kể hình thức nào theo Hiệp định này sẽ phải được đảm bảo tính bảo mật tương tự bởi cơ quan Hải quan nhận giống như các chứng từ và thông tin cùng loại theo quy định quốc gia của Bên ký kết đó.

## Điều 12

## CÁC TRƯỜNG HỢP TỪ CHỐI HỖ TRỢ

1. Nếu cơ quan Hải quan của một Bên ký kết nhận thấy việc thực hiện yêu cầu có thể vi phạm chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc bất cứ lợi ích thiết yếu của bên mình thì họ có thể từ chối cung cấp hỗ trợ được yêu cầu theo Hiệp định này toàn phần hoặc một phần, hoặc chỉ cung cấp hỗ trợ được yêu cầu theo các giới hạn và điều kiện nhất định.

2. Trong trường hợp yêu cầu hỗ trợ bị từ chối thì quyết định và các lý do từ chối phải thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho cơ quan Hải quan yêu cầu.

3. Nếu cơ quan Hải quan của một Bên ký kết có yêu cầu được hỗ trợ mà chính họ không thể cung cấp thì Bên yêu cầu phải đề cập tới điều đó trong yêu cầu của mình. Việc đáp ứng với một yêu cầu như vậy sẽ do Bên được yêu cầu xem xét.

## Điều 13

## HÌNH THỨC VÀ CÁCH GỬI YÊU CẦU HỖ TRỢ

1. Các yêu cầu trợ giúp thực hiện theo Hiệp định này sẽ được làm dưới dạng văn bản. Để thực hiện yêu cầu thì các chứng từ cần thiết phải được gửi kèm với yêu cầu đó. Trong một số trường hợp ngoại lệ khẩn cấp, cũng có thể chấp nhận yêu cầu bằng lời hoặc thư điện tử, nhưng ngay sau đó phải khẳng định lại bằng văn bản.

2. Các yêu cầu thực hiện theo Khoản 1 của Điều này phải bao gồm các nội dung sau đây:

a. Tên cơ quan Hải quan yêu cầu;
b. Bản chất của quá trình và các các biện pháp yêu cầu;
c. Đối tượng và lý do yêu cầu;
d. Quy định của pháp luật và các yếu tố pháp lý khác liên quan;
e. Dữ liệu chi tiết và toàn diện đến mức có thể về người có liên quan trong cuộc điều tra;
f. Bản tóm tắt các dữ kiện có liên quan.

3. Yêu cầu phải được làm bằng ngôn ngữ quốc gia chính thức của cơ quan Hải quan được yêu cầu, bằng tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ khác được cơ quan Hải quan được yêu cầu chấp nhận.

4. Nếu yêu cầu không đáp ứng các quy định về hình thức thì có thể đề nghị sửa chữa hoặc hoàn chỉnh. Tính bảo mật của các sửa đổi bổ sung này có hiệu lực ngay sau đó.

## Điều 14
## HỖ TRỢ KỸ THUẬT

Các cơ quan Hải quan có thể cung cấp cho nhau hỗ trợ kỹ thuật trong các vấn đề hải quan, như sau:

a) Trao đổi các nhân viên hải quan khi cả hai đều có lợi khi tìm hiểu các nghiệp vụ hải quan của nhau;

b) Đào tạo và hỗ trợ tăng cường nghiệp vụ chuyên môn cho các nhân viên Hải quan;

c) Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về sử dụng các công cụ kỹ thuật để phục vụ cho mục đích kiểm soát;

d) Trao đổi các chuyên gia về các vấn đề Hải quan;

e) Trao đổi các thông tin chuyên môn, khoa học và kỹ thuật liên quan tới pháp luật, thủ tục Hải quan.

## Điều 15
## CHI PHÍ

1.Các chi phí phát sinh của cơ quan Hải quan được yêu cầu khi thực hiện yêu cầu theo Hiệp định này sẽ do cơ quan Hải quan đó chịu ngoại trừ các chi phí cho các chuyên gia và cho các phiên dịch và biên dịch viên không phải công chức nhà nước.

2. Việc hoàn trả các chi phí khác phát sinh trong việc thực hiện Hiệp định này có thể là một nội dung của một thoả thuận đặc biệt giữa các cơ quan Hải quan.

## Điều 16
## THỰC HIỆN

1. Hỗ trợ được đề cập trong Hiệp định này, sẽ được thực hiện trực tiếp bởi các Cơ quan Hải quan. Các cơ quan này sẽ cùng thoả thuận cụ thể với nhau cho mục đích này.

2. Các cơ quan Hải quan có thể thu xếp để các đơn vị điều tra chống buôn lậu cấp trung ương và địa phương của mình liên hệ trực tiếp với nhau.

## Điều 17
## LÃNH THỔ ÁP DỤNG

Hiệp định này sẽ được áp dụng trong lãnh thổ hải quan của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam và lãnh thổ hải quan của Liên bang Nga.

**Điều 18**

**HIỆU LỰC VÀ HUỶ BỎ**

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày nhận được bản thông báo cuối cùng mà theo đó các Bên ký kết chính thức thông báo cho nhau rằng các thủ tục pháp lý nội bộ liên quan đến việc hiệp định có hiệu lực đã được hoàn tất.
2. Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung với sự nhất trí bằng văn bản của hai Bên. Nội dung sửa đổi hay bổ sung sẽ trở thành một phần không thể tách rời của Hiệp định này.
3. Hiệp định này được ký trong một khoảng thời gian vô định và có thời hạn thêm 6 tháng sau ngày một Bên ký kết nhận được thông báo bằng văn bản của bên kia về ý định chấm dứt Hiệp định này.

ĐỂ LÀM BẰNG, các đại diện được uỷ quyền của các Chính phủ liên quan dưới đây, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định làm tại Hà Nội ngày 31/10/2010 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Nga và tiếng Anh, tất cả các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản tiếng Anh sẽ được dùng để đối chiếu.

| THAY MẶT CHÍNH PHỦ<br>NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA<br>VIỆT NAM | THAY MẶT CHÍNH PHỦ<br>LIÊN BANG NGA |
|---|---|
| Đỗ Hoàng Anh Tuấn<br>Thứ trưởng<br>Bộ Tài chính | Ông Dmitry Nikolaevich<br>Phó Giám đốc Cơ quan Thuế |

# AGREEMENT
# BETWEEN
# THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
# AND
# THE GOVERNMENT OF THE RUSSIAN FEDERATION
# REGARDING COOPERATION AND MUTUAL ADMINISTRATIVE ASSISTANCE IN CUSTOMS MATTERS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Russian Federation, hereinafter referred to as the Parties,

Considering that offences against customs legislation are prejudicial to the economic, fiscal and social interests of their respective States as well as to the legitimate interests of trade,

Considering the importance of ensuring the accurate assessment of customs duties, taxes and other charges collected on the importation or exportation of goods and the proper implementation of the provisions of prohibition, restriction and control,

Convinced that actions to prevent offences against customs legislation and efforts to ensure accurate collection of import and export duties and taxes can be made more effective through cooperation between the Customs Authorities of their States,

Considering that illicit trafficking in narcotic drugs and psychotropic substances constitutes a danger to public health and to society,

Having regard to the Recommendation of the Customs Cooperation Council on Mutual Administrative Assistance of December 5, 1953,

Having regard also to the provisions of the Single Convention on Narcotic Drugs of March 30, 1961, as amended by the 1972 Protocol amending the Single Convention on Narcotic drugs 1961, the Convention on Psychotropic Substances of February 21, 1971 and the Convention Against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances of December 20, 1988 all drawn up under the auspices of the United Nations Organization,

Have agreed as follows:

## Article 1
## DEFINITIONS

For the purposes of this Agreement:

1. The term "customs legislation" shall mean provisions laid down by laws and regulations enforced by the Customs Authorities of the States of the Parties

that governs the importation, exportation and transit of goods and means of transport or any other customs regimes including the provisions related to customs duties, taxes and other charges applied or collected by Customs Authorities and pertaining to measures of prohibition, restriction and control;

2. The term "Customs Authority" shall mean in the Russian Federation the Federal Customs Service and in the Socialist Republic of Vietnam, the General Department of Viet Nam Customs;

3. The term "customs offences" shall mean any violation of customs legislation as well as any attempted violation of such legislation;

4. The term "person" shall mean any natural or legal person;

5. The term "information" shall mean any data, documents, reports, certified or authenticated copies thereof and other communications;

6. The term "intelligence" shall mean any information, which has been processed and/or analyzed to provide an indication relevant to the customs offences;

7. The term" Requested Customs Authority" shall mean the Customs Authority of the State of a Party, which receives a request for assistance in customs matters;

8. The term "Requesting Customs Authority" shall mean the Customs Authority of the State of a Party, which makes a request for assistance in customs matters;

9. The term "narcotic drugs" shall mean agents, entered in list of Single Convention on Narcotic drugs 1961 with amendments, introduced in accordance with the 1972 Protocol amending the Single Convention on Narcotic drugs 1961;

10. The term "Psychotropic substances" shall mean agents, entered in the lists of the Convention on psychotropic substances 1971;

11. The term "precursors" shall mean chemical agents and solvents, using during illegal production of narcotic drugs and psychotropic substances in accordance with the Convention against illicit traffic in narcotic drugs and psychotropic substances 1988;

12. The term "Sensitive goods" shall mean substances mentioned in Article 6 of this Agreement.

## Article 2

## SCOPE OF AGREEMENT

The Parties, through the Customs Authorities of their States, shall in accordance with the provisions set out in this Agreement:

a) Undertake measures in order to facilitate and expedite movement of goods;

b) Assist each other in prevention-of customs offences;

c) Endeavour to cooperate in the research, development and testing of new customs procedures, in the training and exchange of personnel and in other matters that may require their joint efforts;

d) Strive for harmony and uniformity of their customs systems, in improving customs techniques and in resolving problems of customs administration and enforcement.

2. Mutual assistance within the framework of this Agreement shall be rendered in accordance with the legislation in force in the territory of the State of the Party and within the competence and resources of the Requested Customs Authority.

3. No provisions in this Agreement shall be interpreted in a manner, which would restrict mutual assistance practices presently in effect between the Parties.

## Article 3

## FACILITATION OF CUSTOMS FORMALITIES

1. The Customs Authorities shall, upon mutual consent, undertake necessary measures to facilitate customs procedures in order to facilitate and expedite movement of goods between the territories of the State of both Parties.

2. The Customs Authorities can, upon mutual consent, recognize uniform applicable forms of customs documents in English.

## Article 4

## FORMS OF COOPERATION AND MUTUAL ASSIATANCE

1. The Customs Authorities shall provide each other on their own initiative or upon request, with all necessary information in accordance with the provisions of this Agreement.

2. The Customs Authorities shall:

a) Exchange experience relating to their activities and the information about new means and methods of committing customs offences;

b) Inform each other about substantial changes of the customs laws of their States, as well as about technical means of customs control and methods of their application and also discuss other matters of mutual interest.

## Article 5

## SURVEILLANCE OF GOODS AND MEANS OF TRANSPORT

The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request of the Customs Authorities of the State of the other Party, maintain surveillance over:

a) Goods being moved by persons who committed offence or suspected of doing so in the territory of the State of the Party;

b) Movements of goods and means of payment which are reported by the Customs Authorities of the State of the other Party as giving rise to substantial illicit traffic into or from the territory of the State of the other Party or are suspicious thereof;

c) Any means of transport known to be, or suspected of being, used for committing offences against customs legislation of the State of the other Party;

## Article 6

## ACTION AGAINST ILLICIT TRAFFIC OF SENSITIVE GOODS

The Customs Authorities shall, on their own initiative or upon request and without delay, supply to each other all relevant information on activities, detected or planned, which constitute or appear to constitute an offence against the customs legislation in force in the territory of the State of one of the Parties in the field of:

a) Movement of arms, ammunition, explosives and explosive devices;

b) Movement of narcotic drugs, psychotropic substances and its precursors;

c) Movement of objects of art and antiquity, which present significant historical, cultural or archaeological value for one of the Parties;

d) Movement of substances dangerous for the environment and the public health;

e) Movement of goods subject to substantial customs duties or taxes and goods subject to non-tariff limitation;

## Article 7

## COMMUNICATION OF INFORMATION

1. The Customs Authorities shall, on their own initiative or upon request, supply to each other all information, which may help to ensure accuracy in:

a) The collection of customs duties, taxes and other charges levied by the Customs Authorities and, in particular, information which may help to assess correctly the value of goods for customs purposes and to establish their tariff classification;

b) The implementation of import, export and transit prohibitions and restrictions or relieves from customs duties, taxes and other charges;

c) The application of national rules of origin.

2. If the Requested Customs Authority does not have the information asked for, it shall seek that information as if acting on its own account in accordance with the laws of its State.

## Article 8

## INFORMATION ON GOODS, PERSON AND MEANS OF TRANSPORT

1. The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request, supply to the Customs Authority of the State of the other Party the following information:

a) Whether goods imported into the territory of the State of the requesting Customs Authority have been lawfully exported from the territory of the State of the other Customs Authority;

b) Whether goods exported from the territory of the State of the Requesting Customs Authority have been lawfully imported into the territory of the State of the other Customs Authority.

2. The Customs Authority of the State of one Party shall, on its own initiative or upon request, supply to the Customs Authority of the State of the other Party the following information:

a) Persons known to be, or suspected of, committing offences against customs laws in force in the territory of the State of the other Party;

b) Goods known to be, or suspected of being, the subject of illicit traffic;

c) Means of transport known to be, or suspected of being, used in committing offences against customs legislation in force in the territory of the State of the other Party.

## Article 9

## FILES AND DOCUMENTS

1. The Customs Authority of the State of one Party, shall on its own initiative or upon request, supply to the Customs Authority of the other Party reports, records of evidence or copies of documents and other available

information on activities, completed or planned, which constitute or appear to constitute an offence against the customs legislation in force in the territory of the State of that Party.

2. The documents provided for in this Agreement may be replaced by computerized information produced for the same purpose. All relevant information for the interpretation or utilization of the material should be supplied at the same time.

## Article 10
## INQUIRIES

1. If the Customs Authority of the State of one Party so requests, the Customs Authority of the State of the other Party shall initiate all official inquiries concerning operations which are, or appear to be, contrary to the customs legislation in force in the territory of the State of the requesting Customs Authority. It shall communicate the results of such inquiries to the requesting Customs Authority.

2. These inquiries shall be conducted under the laws in force in the territory of the State of the requested Customs Authority. The requested Customs Authority shall proceed as if it were acting on its own account.

## Article 11
## USE OF INFORMATION AND INTELLIGENCE

1. Information and intelligence received under this Agreement, shall be used solely for the purposes of this Agreement. They shall not be communicated or used for any other purposes unless the Customs Authority furnishing them expressly approves.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article are not applicable to information and intelligence concerning offences relating to narcotic drugs and psychotropic substances. Such information and intelligence may be communicated to other authorities directly involved in the combat of illicit traffic of narcotic drugs, psychotropic substances and their precursors.

3. Requests, information, reports of experts and other communications received by the Customs Authority of the State of one Party in whatever form pursuant to this Agreement shall be afforded the same confidentiality by the Receiving Customs Authority as is afforded to documents and information of the same kind under the national laws of the State of that Party.

## Article 12

## EXCEPTIONS FROM THE LIABILITY TO RENDER ASSISTANCE

1. If the Customs Authority of the State of one Party considers that compliance with the request would be prejudicial to the sovereignty, security, public order or any other essential interest of the State of that Party it may refuse to provide the assistance requested under this Agreement, wholly or partially, or provide it subject to certain conditions or requirements.

2. If assistance is refused, the decision and the reasons for the refusal shall be notified in writing to the requesting Customs Authority without delay.

3. If the Customs Authority of the State of one Party requests assistance that it would not itself be able to provide, it shall draw attention to that fact in the request. Compliance with such a request shall be within the discretion of the Requested Customs Authority.

## Article 13

## FORM AND SUBSTANCE OF REQUEST FOR ASSISTANCE

1. Requests pursuant to the present Agreement shall be made in writing. Documents necessary for the execution of such requests shall accompany the request. When required because of the urgency of the situation, oral or e-mail request may be accepted, but must be confirmed officially in writing immediately.

2. Requests pursuant to paragraph 1 of this Article shall include the following information:

a) The name of the Requesting Customs Authority;

b) Nature of the proceedings and the measure requested;

c) The object of and the reason for the request;

d) Laws, regulations and other legal elements involved;

e) Indications as exact and comprehensive as possible on the persons being the target of the investigations;

f) Summary of the relevant facts.

3. Requests shall be submitted in an official language of the State of the Requested Customs Authority, in English or in another language acceptable to the Requested Customs Authority.

4. If a request does not meet the formal requirements, its correction or completion may be demanded. The confidentiality shall be effected thereby.

## Article 14

## TECHNICAL ASSISTANCE

Customs Authorities shall provide each other technical assistance in the area of customs matters including:

a) Exchange of customs officers when mutually beneficial for the purpose of advancing the understanding of each other's customs techniques;

b) Training and assistance in developing specialized skills of the customs officers;

c) Exchange of information and experience in the use of the technical equipment for control purposes;

d) Exchange visiting experts in customs matters;

e) Exchange of professional, scientific and technical data relating to customs legislation, regulations and procedures.

## Article 15

## COSTS

1. Expenses incurred by the requested Customs Authority in carrying out a request under this Agreement shall be borne by that Customs Authority excluding expenses for experts and interpreters other than government employees.

2. Reimbursement of other expenses incurred in performance of this Agreement may be a subject of a special arrangement in between the Customs Authorities.

## Article 16

## IMPLEMENTATION

1. Assistance provided under this Agreement shall be rendered directly by the Customs Authorities. Those authorities shall mutually agree on detailed arrangements for that purpose.

2. The Customs Authorities may arrange for their central and local enforcement, investigation and other services to be in direct communication with each other.

## Article 17

## TERRITORIAL APPLICABILITY

This Agreement shall be applicable on the customs territory of the Russian Federation and the customs territory of the Socialist Republic of Vietnam.

## Article 18

## ENTRY INTO FORCE AND TERMINATION

1. This Agreement shall enter into force on the thirtieth day from the date of receipt of the last written notifications by which the Parties have officially notified each other that the respective internal procedures for its entry into force have been fulfilled.

2. This Agreement may be revised or amended by mutual consent, in writing. Such revision or amendment shall constitute an integral part of this Agreement.

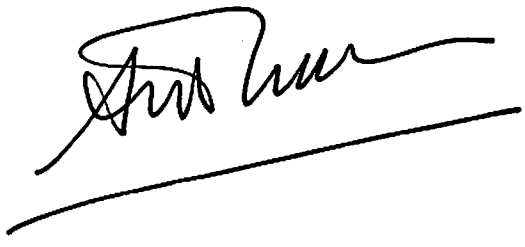
3. This Agreement is concluded for an indefinite period and shall stay in force six months after the date of receipt by one Party of a written notification of the other Party about its intention to terminate the Agreement.

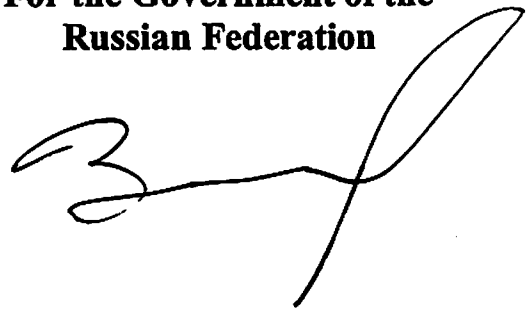
IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Government, have signed this Agreement.

Done in ..Ha Noi.....on ..31...October..2010.., in duplicate, in the Vietnamese, Russian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

**For the Government of Socialist Republic of Vietnam**

**For the Government of the Russian Federation**





# СОГЛАШЕНИЕ
## между Правительством Российской Федерации и Правительством Социалистической Республики Вьетнам о сотрудничестве и взаимной административной помощи в таможенных делах

Правительство Российской Федерации и Правительство Социалистической Республики Вьетнам, именуемые в дальнейшем Сторонами,

исходя из того, что нарушения таможенного законодательства наносят ущерб экономическим и социальным интересам их государств,

учитывая важность обеспечения точного исчисления таможенных пошлин, налогов и других сборов, взимаемых при ввозе или вывозе товаров, а также надлежащего выполнения условий запрета, ограничения и контроля ввоза и вывоза товаров,

считая, что действия по предотвращению нарушений таможенного законодательства и усилия по обеспечению правильного взимания импортных и экспортных пошлин и налогов могут стать более эффективными благодаря сотрудничеству между таможенными службами их государств,

принимая во внимание, что незаконный оборот наркотических средств и психотропных веществ представляет собой опасность для здоровья граждан и общества,

принимая во внимание Рекомендацию Совета таможенного сотрудничества о взаимном административном содействии от 5 декабря 1953 года,

учитывая также положения Единой конвенции о наркотических средствах от 30 марта 1961 г. с поправками, внесенными в нее в соответствии с Протоколом 1972 года о поправках к Единой конвенции о наркотических средствах 1961 года, Конвенции о психотропных веществах от 21 февраля 1971 г. и Конвенции о борьбе против незаконного оборота наркотических средств и психотропных веществ от 20 декабря 1988 г., заключенных под эгидой Организации Объединенных Наций,

согласились о нижеследующем:

### Статья 1
### Определение терминов

Для целей настоящего Соглашения:

1. «таможенное законодательство» означает положения законов и правил государств Сторон, регулирующих ввоз, вывоз, транзит товаров и транспортных средств, а также помещение их под какой-либо таможенный режим, соблюдение которых обеспечивается таможенными

службами государств Сторон, включая положения, относящиеся к таможенным налогам, пошлинам и другим сборам, взимаемым таможенными службами и относящимся к мерам по запрету, ограничению и контролю за ввозом и вывозом товаров;

2. «таможенная служба» означает в Российской Федерации Федеральную таможенную службу, в Социалистической Республике Вьетнам – Главное таможенное управление Вьетнама;

3. «таможенное правонарушение» означает любое нарушение таможенного законодательства, а также любую попытку нарушения этого законодательства;

4. «лицо» означает любое физическое или юридическое лицо;

5. «информация» означает любые данные, документы, доклады, их заверенные копии и другие сообщения, представленные в любой форме;

6. «сведения» означают информацию, подвергнутую обработке и (или) анализу с целью установления признаков совершения таможенных правонарушений;

7. «запрашиваемая таможенная служба» означает таможенную службу государства Стороны, которая получает запрос о помощи в таможенных делах;

8. «запрашивающая таможенная служба» означает таможенную службу государства Стороны, которая направляет запрос о помощи в таможенных делах;

9. «наркотические средства» означают вещества, перечисленные в списках Единой конвенции о наркотических средствах от 1961 г. с поправками, внесенными в нее в соответствии с Протоколом 1972 г. о поправках к Единой конвенции о наркотических средствах;

10. «психотропные вещества» означают вещества, перечисленные в списках Конвенции о психотропных веществах от 1971 г.;

11. «прекурсоры» означают химические вещества и растворители, используемые для незаконного производства наркотических средств и психотропных веществ, перечисленные в приложениях к Конвенции против незаконного оборота наркотических средств и психотропных веществ от 1988 г.;

12. «товары, имеющие особо важное значение» означают вещества, указанные в статье 6 настоящего Соглашения.

## Статья 2
## Сфера действия Соглашения

1. Стороны через таможенные службы своих государств в соответствии с положениями настоящего Соглашения:

а) принимают меры по упрощению и ускорению перемещения товаров между территориями государств Сторон;

б) оказывают друг другу содействие в предотвращении таможенных правонарушений;

в) сотрудничают в исследовании, разработке и испытании новых таможенных процедур, обучении и обмене специалистами, а также в других вопросах, которые могут потребовать их совместных действий;

г) стремятся к гармонизации и унификации своих таможенных систем, к усовершенствованию таможенных технологий, а также к решению вопросов, связанных с применением и соблюдением таможенного законодательства.

2. Взаимная помощь в рамках настоящего Соглашения оказывается в соответствии с законодательством, действующим на территории государств Сторон и в пределах компетенции и возможностей запрашиваемой таможенной службы.

3. Положения настоящего Соглашения не могут быть истолкованы таким образом, чтобы ограничить практику оказания взаимной помощи, существующую между Сторонами.

## Статья 3
## Упрощение таможенных процедур

1. Таможенные службы по взаимному согласию принимают необходимые меры для упрощения таможенных процедур в целях облегчения и ускорения перемещения товаров между территориями государств Сторон.

2. Таможенные службы могут по взаимному согласию признавать применяемые единые формы таможенных документов на английском языке.

## Статья 4
## Формы сотрудничества и взаимной помощи

1. Таможенные службы по собственной инициативе или по запросу предоставляют друг другу всю необходимую информацию в соответствии с условиями настоящего Соглашения.

2. Таможенные службы:

а) обмениваются опытом, а также информацией о новых способах и методах совершения таможенных правонарушений;

б) информируют друг друга о существенных изменениях таможенного законодательства своих государств, о технических средствах таможенного контроля и методах их применения, а также обсуждают другие вопросы, представляющие взаимный интерес.

## Статья 5
## Наблюдение за товарами и транспортными средствами

Таможенная служба государства Стороны по собственной инициативе или по запросу таможенной службы государства другой Стороны осуществляет наблюдение за:

а) товарами, перемещаемыми лицами, известными или подозреваемыми в совершении правонарушения на территории государства Стороны;

б) перемещением товаров и средств платежа, определяемых таможенной службой государства другой Стороны как приводящие к значительному незаконному перемещению таких товаров и средств платежа на территорию государства другой Стороны или с нее, либо вызывающих подозрение в этом;

в) любыми транспортными средствами, используемыми или подозреваемыми в использовании с целью нарушения таможенного законодательства государства другой Стороны.

## Статья 6
## Борьба с незаконным оборотом товаров, имеющих особо важное значение

Таможенные службы по собственной инициативе или по запросу незамедлительно передают друг другу всю необходимую информацию о совершенных или готовящихся действиях, которые образуют или могут образовать нарушение таможенного законодательства, действующего на территории государства одной из Сторон, в отношении:

а) перемещения оружия, боеприпасов, взрывчатых веществ и взрывных устройств;

б) перемещения наркотических средств, психотропных веществ и их прекурсоров;

в) перемещения предметов старины и искусства, представляющих значительную историческую, культурную или археологическую ценность для государства одной из Сторон;

г) перемещения ядовитых веществ, а также веществ, представляющих опасность для окружающей среды и здоровья людей;

д) перемещения товаров, облагаемых высокими таможенными пошлинами или налогами, и товаров, подвергаемых нетарифным ограничениям.

## Статья 7
## Передача информации

1. Таможенные службы по собственной инициативе или по запросу предоставляют друг другу всю информацию, которая может помочь в обеспечении правильности:

а) взимания таможенных пошлин, налогов и других платежей, взимаемых таможенными службами, и, в том числе, информацию, которая может помочь в правильной оценке стоимости товаров в целях таможенного оформления и их тарифной классификации;

б) применения мер ограничения и запрета в отношении ввоза, вывоза и транзита товаров или освобождения от таможенных пошлин, сборов и других платежей;

в) применения правил определения страны происхождения.

2. Если запрашиваемая таможенная служба не обладает запрашиваемой информацией, она предпринимает меры к получению такой информации, действуя от собственного имени в соответствии с законодательством своего государства.

## Статья 8
## Информация о товарах, лицах и транспортных средствах

1. Таможенная служба государства одной Стороны по собственной инициативе или по запросу предоставляет таможенной службе государства другой Стороны следующую информацию:

а) были ли товары, ввезенные на территорию государства запрашивающей таможенной службы, законно вывезены с территории государства запрашиваемой таможенной службы;

б) были ли товары, вывезенные с территории государства запрашивающей таможенной службы, законно ввезены на территорию государства запрашиваемой таможенной службы.

2. Таможенная служба государства Стороны по собственной инициативе или по запросу предоставляет таможенной службе государства другой Стороны следующую информацию:

а) о лицах, в отношении которых известно или имеется подозрение в совершении нарушения таможенного законодательства, действующего на территории государства другой Стороны;

б) о товарах, в отношении которых известно или имеется подозрение, что они могут стать предметом незаконного оборота;

в) о транспортных средствах, в отношении которых известно или имеется подозрение, что они используются при совершении нарушений таможенного законодательства, действующего на территории государства другой Стороны.

## Статья 9
## Документы

1. Таможенная служба государства одной Стороны по собственной инициативе или по запросу предоставляет таможенной службе другой Стороны доклады, протокольные записи представленных доказательств или копии документов, а также другую имеющуюся информацию о действиях, совершенных или планируемых, которые образуют или могут образовать таможенное правонарушение на территории государства другой Стороны.

2. Документы, предоставленные в рамках настоящего Соглашения, могут быть заменены информацией в электронном виде. Одновременно должна быть передана вся сопутствующая информация, необходимая для толкования или использования этого материала.

## Статья 10
## Расследования

1. По запросу таможенной службы государства Стороны таможенная служба государства другой Стороны начинает необходимые официальные расследования, касающиеся действий, которые нарушают или вызывают подозрение в нарушении таможенного законодательства, действующего на территории государства запрашивающей таможенной службы. Результаты таких расследований доводятся до сведения запрашивающей таможенной службы.

2. Такие расследования проводятся в соответствии с законодательством, действующим на территории государства запрашиваемой таможенной службы. Запрашиваемая таможенная служба ведет расследование, действуя при этом от собственного имени.

## Статья 11
## Использование информации и сведений

1. Информация и сведения, полученные в соответствии с настоящим Соглашением, используются только для целей настоящего Соглашения. Они не могут быть переданы или использованы для любых других целей без явно выраженного согласия предоставившей их таможенной службы.

2. Положения пункта 1 настоящей статьи не применяются к информации и сведениям, касающимся правонарушений в отношении наркотических средств и психотропных веществ. Такая информация и сведения могут быть сообщены другим органам государств Сторон, непосредственно занимающимся борьбой с незаконным оборотом наркотических средств, психотропных веществ и их прекурсоров.

3. Запросы, информация, доклады экспертов и другие сообщения, полученные таможенной службой государства одной Стороны в любой форме в соответствии с настоящим Соглашением, пользуются со стороны получившей их таможенной службы таким же режимом конфиденциальности, какой предусмотрен для документов и информации аналогичного характера законодательством государства этой Стороны.

## Статья 12
## Исключения из обязательств по оказанию содействия

1. В случае если таможенная служба государства Стороны считает, что выполнение запроса может нанести ущерб суверенитету, безопасности, публичному порядку или любым другим существенным интересам государства этой Стороны, она может полностью или частично отказать в содействии, предусмотренном настоящим Соглашением, либо оказать его при соблюдении определенных условий или требований.

2. Если в содействии отказано, то решение об отказе и причины отказа незамедлительно сообщаются в письменном виде запрашивающей таможенной службе.

3. Если таможенная служба государства Стороны обращается за содействием, которое не могла бы оказать сама, в своем запросе она отмечает этот факт. Выполнение такого запроса передается на усмотрение запрашиваемой таможенной службы.

## Статья 13
## Форма и содержание запроса об оказании содействия

1. Запросы в рамках настоящего Соглашения направляются в письменной форме. К запросу прилагаются документы, необходимые для его исполнения. В случае срочной необходимости может быть принят устный запрос или запрос по электронной почте, однако он должен быть незамедлительно официально подтвержден в письменной форме.

2. Запросы, направляемые на основании пункта 1 настоящей статьи, включают в себя следующую информацию:

а) наименование запрашивающей таможенной службы;

б) вид разбирательства и запрашиваемое действие;

в) цель и причина запроса;

г) законы, положения и другие нормативные акты, имеющие отношение к делу;

г) возможно более точные и полные сведения о лицах, являющихся предметом запроса;

д) перечень фактов, имеющих отношение к делу.

3. Запрос представляется на официальном языке государства запрашиваемой таможенной службы, на английском языке или на другом языке, приемлемом для запрашиваемой таможенной службы.

4. Если запрос не соответствует формальным требованиям, может потребоваться его исправление или дополнение. При этом должно соблюдаться требование конфиденциальности.

## Статья 14
## Техническое сотрудничество

Таможенные службы осуществляют техническое сотрудничество в таможенных делах, включающее:

а) обмен визитами должностных лиц таможенных служб с целью ознакомления с таможенными технологиями друг друга;

б) обучение и помощь в совершенствовании специальных навыков должностных лиц таможенных служб;

в) обмен информацией и опытом в использовании технических средств контроля;

г) обмен визитами экспертов по таможенным вопросам;

д) обмен профессиональными, научными и техническими сведениями по вопросам таможенного законодательства, таможенного регулирования и таможенных процедур.

## Статья 15
## Расходы

1. Расходы, понесенные запрашиваемой таможенной службой при исполнении запроса в рамках настоящего Соглашения, несет эта таможенная служба, за исключением оплаты услуг экспертов и переводчиков, не состоящих на государственной службе.

2. Возмещение иных расходов, связанных с реализацией настоящего Соглашения, может быть предметом отдельной договоренности между таможенными службами.

## Статья 16
## Реализация Соглашения

1. Сотрудничество, предусмотренное настоящим Соглашением, осуществляется непосредственно таможенными службами. Эти службы совместно согласовывают конкретные мероприятия, необходимые для этой цели.

2. Таможенные службы могут предусмотреть установление прямых каналов связи между их центральными и местными подразделениями по борьбе с контрабандой и по расследованиям, а также между другими своими подразделениями.

## Статья 17
## Территориальное действие Соглашения

Настоящее Соглашение действует на территории Российской Федерации и на территории Социалистической Республики Вьетнам.

## Статья 18
## Вступление в силу и прекращение действия Соглашения

1. Настоящее Соглашение вступает в силу на 30-й день с даты получения последнего письменного уведомления о выполнении Сторонами внутригосударственных процедур, необходимых для его вступления в силу.

2. Настоящее Соглашение может быть пересмотрено или изменено по взаимному согласию Сторон в письменной форме. Такие изменения или дополнения составляют неотъемлемую часть настоящего Соглашения.

3. Настоящее Соглашение заключается на неопределенный срок и прекращает свое действие по истечении 6-и месяцев с даты получения одной Стороной письменного уведомления другой Стороны о ее намерении прекратить действие настоящего Соглашения.

Совершено в Ha Noi «__» 31/10 2010 года в двух экземплярах, каждый на вьетнамском, русском и английском языках, причем все тексты имеют одинаковую силу. В случае разногласия для целей толкования используется текст на английском языке.

| За Правительство Социалистической Республики Вьетнам | За Правительство Российской Федерации |
|---|---|